

BẠCH THÂN QUÁN TỰ TẠI CHÚ LUÂN

Soạn dịch: HUYỀN THANH



Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát (Śveta-bhagavati) lại xưng là **Thấp Phệ Đa** Bồ Tát (Śveta), **Bạch Thân** Bồ Tát (Śvetāṃge), **Ma Ha Thấp Phệ Đa** Bồ Tát (Mahāśveta), Thấp Phệ Đa Bạch Thân Bồ Tát, Bạch Thân Quán Âm, Bạch Tôn Giả.

Bạch (Śveta:màu trắng) biểu thị cho Đại Bi thanh tịnh. **Thân** (Aṃge: trong các chi phần của thân) biểu thị cho Đức tự tập. **Bạch Thân** (Śvetāṃge) biểu thị cho ý tự tập Đại Bi thanh tịnh

Tôn này biểu thị cho sự tự tập Đại Bi trắng tịnh

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải duỗi năm ngón úp lại hướng về vai và co khuỷu tay để trên đầu gối phải, gối phải hơi dựng xéo, ngồi trên hoa sen đỏ

Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật Trí. Tay phải chống khuỷu tay trên đầu gối phải, úp bàn tay hướng che vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

Mật Hiệu là: **Phổ Hóa Kim Cương**

Do Pháp Giới Thể Tính Trí sanh ra **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) nên gọi là **Đại Bạch Y** (Mahā-pāṇḍara-vāsini), tức là Tổng Môn của Liên Hoa Bộ. Vì Tổng là **Năng Sinh** nên biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích** (Puṣṭika)

Quỹ ghi: “**Muốn biết việc lành dữ ở thời vị lai có thành hay không, tụng Minh Phi** (Vidya-rājñi) **ấy thì năm mộng sẽ biết**”

Đây là Đức chưa nảy mầm nên cũng biểu thị cho nghĩa Tăng Ích. Như vậy Đại Bạch Y biểu thị cho Tăng Ích.

Chân Ngôn là:

ॐ नमो रत्न त्रय यथा ॥
ॐ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥
ॐ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥
ॐ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥ नमो रत्न त्रय यथा ॥

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: ŚVETE ŚVETĀMGE ŚVETA-BHŪJA ŚVETA-VASTRE
ŚVETA-MĀLYAR-ALAMKRTE _ JAYE VIJAYE APARĀJITE _ SARVA
SIDDHA NAMAḤSKRTE _ HILI MILI KILI DARŚAYA-SĀDHAYA ŚVĀHĀ

Ý nghĩa của Chân Ngôn này là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA, MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA (Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát)

TADYATHĀ (Như vậy liền nói chú là)

ŚVETE (màu trắng) ŚVETĀMGE (thân màu trắng) ŚVETA-BHŪJA (cánh tay màu trắng) ŚVETA-VASTRE (áo màu trắng) ŚVETA-MĀLYAR-ALAMKRTE (đeo tràng hoa trắng bông rũ) JAYE (Tôn thắng) VIJAYE (Tối thắng) APARĀJITE (Vô năng thắng) SARVA SIDDHA NAMAḤSKRTE (Kính lễ tất cả sự thành tựu) HILI (kết hợp hòa hợp) MILI (ngăn chặn, cản trở) KILI (găm chặt, giết chết) DARŚAYA SĀDHAYA (Nghĩ quỹ đã nhìn thấy) SVĀHĀ (viên mãn, quyết định thành tựu)

03/09/2015